

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TIỀN GIANG**
Bản án số:328/2022/HNGĐ-ST
Ngày:12-5-2022.
V/v tranh chấp ly hôn

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Kim Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh
2. Ông Huỳnh Văn Phó

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Trương Tấn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Trà My – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số:131/2021/TLST-HN ngày 16 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:58/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2022/QĐST-HN ngày 28 tháng 4 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1978. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh S, sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị M trình bày:*

Chị với anh Nguyễn Thanh S sống chung năm 1998, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 22/10/2020. Quá trình sống chung phát sinh mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, anh S không lo làm ăn và có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, anh S thường xuyên bỏ nhà đi sống với người khác nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng nghiêm trọng. Anh chị đã không còn sống chung từ năm 2017 đến nay. Chị nhận thấy giữa chị và anh S đã không còn tình cảm vợ chồng nên

chị yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

Về con chung: Chị và anh Nguyễn Thanh S có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 29/7/1999 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/10/2009. Hiện cháu T1 đã trưởng thành, riêng cháu K đang sống chung bên nội. Khi ly hôn chị đồng ý để cháu K cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị xác định chị và anh Nguyễn Thanh S không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Nguyễn Thanh S:* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án nêu rõ yêu cầu của nguyên đơn; thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời, triệu tập họp lệ anh Nguyễn Thanh S nhiều lần nhưng anh S vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến, không tham gia hòa giải nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Phát biểu của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S, giao con chung cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Thanh S có nơi cư trú tại xã Đ, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Xét nguyên đơn chị Nguyễn Thị M vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt; bị đơn anh Nguyễn Thanh S đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh S sống chung có đăng ký kết hôn năm 2020, được pháp luật công nhận là vợ

chồng. Vợ chồng anh chị phát sinh mâu thuẫn, qua xác minh mâu thuẫn thể hiện anh S, chị M mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, không còn sự tin tưởng và đã ly thân thời gian dài. Tuy mâu thuẫn giữa vợ chồng không lớn nhưng anh chị đã không có giải pháp để giải quyết dẫn đến mâu thuẫn kéo dài, vợ chồng không còn sống chung nhiều năm nay, mỗi người có một cuộc sống riêng, không còn quan tâm gì đến cuộc sống của nhau. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh S không đến tham dự hòa giải. Điều đó chứng tỏ tình cảm vợ chồng giữa chị M và anh S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M.

[4] Về con chung: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh S có 02 con chung là Nguyễn Thị T1, sinh ngày 29/7/1999 và Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/10/2009. Xét thấy cháu T1 đã trưởng thành, riêng cháu K chưa đủ 18 tuổi nên cần có người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Qua xác minh hiện tại cháu K đang sống bên nội đã ổn định và chị M đồng ý giao cháu cho anh S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng để cháu được tiếp tục ở nhà ông bà nội. Do vậy, căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử ghi nhận ý kiến của chị Nguyễn Thị M về việc tiếp tục giao con chung Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/10/2009 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

[5] Về cấp dưỡng: Anh Nguyễn Thanh S không có ý kiến về vấn đề cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các bên đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị M phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên Viện Kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Thanh S có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Nguyễn Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn với anh Nguyễn Thanh S.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Tuấn K, sinh ngày 21/10/2009 cho anh Nguyễn Thanh S trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị M được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về cấp dưỡng: Không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đồng án phí sơ thẩm được trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 4027 ngày 15/3/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang.

6. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- CCTHADS huyện C;
- UBND xã Đ, C, TG;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hồ Thị Kim Hương